

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2022/DS-PT**

Ngày: 21/9/2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn

Các Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Việt, ông Nguyễn Đức Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 26/2022/TLDS-PT ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự số 04/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXPT-DS, ngày 05/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thu H**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số nhà 21, tổ 12, phường P.T, thành phố T.Q, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt tại phiên tòa, đã ủy quyền ông Trần Văn L theo giấy ủy quyền ngày 19/10/2021*);

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ 5, phường A.T, thành phố T.Q, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

2. Bị đơn: **Bà Riêu Thị X**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn N.P, xã C.T, huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Riêu Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thu H; bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tranh tụng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên bà Riêu Thị X có đặt vấn đề vay tiền của bà Nguyễn Thu H. Bà H đồng ý cho bà X vay tiền, khi vay bà X có viết giấy vay tiền cụ thể:

Lần 1, Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 vay số tiền 100.000.000đ; Hai bên thống nhất vay trong thời hạn là 02 tháng. Nếu sau 02 tháng bà X không trả cho bà H thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Lần 2, Giấy vay tiền ngày 21/01/2021 vay số tiền 100.000.000đ. Thời hạn trả nợ ghi rõ khi bà H cần thì báo trước một tháng bà X sẽ hoàn trả cho bà H. Nếu sai bà X xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tổng hai lần vay là 200.000.000đ. Khi vay hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất.

Bà Riêu Thị X trong thời gian vay tiền của bà H, bà X đã trả tiền vay cho bà H làm nhiều lần thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng, tổng số tiền đã trả được thể hiện như sau:

- Ngày 23/10/2020 trả số tiền 4.500.000 đồng;
- Ngày 07/11/2020 trả số tiền 4.450.000 đồng; Ngày 21/11/2020 trả số tiền 4.500.000 đồng;
- Ngày 06/12/2020 trả số tiền 4.500.000 đồng; Ngày 21/12/2020 trả số tiền 4.000.000 đồng;
- Ngày 05/01/2021 trả hai lần, lần một trả số tiền 2.000.000 đồng, lần hai trả số tiền 2.450.000 đồng; Ngày 20/01/2021 trả số tiền 4.500.000 đồng;
- Ngày 04/02/2021 trả số tiền 4.000.000 đồng; Ngày 21/02/2021 trả số tiền 4.500.000 đồng;
- Ngày 08/3/2021 trả số tiền 4.000.000 đồng; Ngày 20/3/2021 trả số tiền 3.600.000 đồng;
- Ngày 04/04/2021 trả hai lần, lần một trả số tiền 3.000.000 đồng, lần hai trả số tiền 1.500.000 đồng; Ngày 19/4/2021 trả số tiền 4.000.000 đồng;
- Ngày 04/5/2021 trả số tiền 4.000.000 đồng; Ngày 19/5/2021 trả số tiền 4.000.000 đồng;
- Ngày 04/6/2021 trả số tiền 3.000.000 đồng; Ngày 18/6/2021 trả số tiền 3.000.000 đồng;
- Ngày 03/7/2021 trả số tiền 3.000.000 đồng; Ngày 18/7/2021 trả số tiền 3.000.000 đồng;
- Ngày 02/8/2021 trả số tiền 3.000.000 đồng; Ngày 17/8/2021 trả số tiền 3.000.000 đồng;
- Ngày 02/9/2021 trả số tiền 3.000.000 đồng; Ngày 16/9/2021 trả số tiền 2.000.000 đồng; Ngày 17/9/2021 trả số tiền 1.000.000 đồng;

Tổng số tiền gốc bà X đã trả cho bà H tính đến hết ngày 17/9/2021 là 87.500.000 đồng. Sau ngày 17/9/2021 bà X không thanh toán thêm khoản tiền vay nào cho bà H. Thời hạn vay ghi rõ trong 02 giấy vay tiền như vậy nhưng khi đến

hạn, cũng như khi bà H cần tiền đều thông báo cho bà X biết nhưng bà X cũng không trả được. Sau nhiều lần đòi nợ đến nay bà X mới trả được tổng số tiền 87.500.000đ; số tiền còn nợ lại là 112.500.000đ. Theo đơn khởi kiện ban đầu bà H yêu cầu bà X phải có trách nhiệm trả số tiền là 116.000.000đ, tuy nhiên sau khi đối khớp các lần trả, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nay bà H yêu cầu bà Riêu Thị X phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại là 112.500.000đ (Một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Bà H không yêu cầu tính lãi đối với bà X.

Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Riêu Thị X trình bày: Do cần tiền để sử dụng cho bản thân nên bà có nhờ bà Diêu Thị K, sinh năm 1977, địa chỉ phường H.T, thành phố T.Q (là chị họ) giới thiệu cho bà vay tiền của bà Nguyễn Thu H. Bà khẳng định, bà có vay của bà Nguyễn Thu H 01 lần vào ngày 23/10/2020, khi vay bà có viết giấy vay tiền với nội dung: “*Hôm nay ngày 23/10/2020 tôi có vay của chị H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn) trong thời gian 2 tháng. Nếu trong 2 tháng tôi không trả cho chị H thì tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Bà có ký vào giấy vay tiền, phần người vay: X - Riêu Thị X. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận gì về lãi suất, tuy nhiên bà H có thỏa thuận bằng miệng với bà lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày.

Sau khi vay tiền bà đã trả cho bà H tiền lãi hàng tháng, trả từ tháng 10/2020 đến hết tháng 9/2021, tổng số tiền lãi đã trả đến hết tháng 9/2021 là 87.500.000đ (bà chuyển từ tài khoản của bà số 109871517792 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương (Viettinbank) vào tài khoản số 34110000928718 của bà H mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển (BIDV). Ngoài ra, còn một số lần khác bà có trả cho bà H tiền lãi hàng tháng bằng tiền mặt nhưng không viết giấy tờ gì. Từ tháng 10/2021 đến nay, bà H đã yêu cầu bà trả lãi và gốc nhiều lần nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa thanh toán gì cho bà H. Bà xác định số tiền gốc 100.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 23/10/2020 bà chưa trả cho bà H, bà chỉ trả tiền lãi hàng tháng.

Đối với giấy vay tiền đề ngày 21/01/2021 có nội dung: “*có vay của chị Nguyễn Thị Hoàn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn). Trong thời gian chị H cần thì báo trước một tháng tôi sẽ hoàn trả số tiền trên. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật*”. Bà xác định bà là người viết giấy vay tiền và ký tên vào phần người vay: X - Riêu Thị X. Bà H yêu cầu bà viết lại giấy vay tiền khác do tờ giấy vay tiền ngày 23/10/2020 hết hạn, do sơ suất và tin tưởng bà H nên bà có tiếp tục viết giấy vay tiền đề ngày 21/01/2021.

Nay bà H yêu cầu bà có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 112.500.000đ bà không nhất trí, vì bà xác định bà chỉ vay 01 lần tiền của bà H vào ngày 23/10/2020. Bà nhất trí trả bà H số tiền vay của giấy vay tiền ngày 23/10/2020.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 08//2022 của Tòa án nhân dân huyện

S.D, tỉnh Tuyên Quang quyết định: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thu H đối với bà Riêu Thị X.

Buộc bà Riêu Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thu H tổng số tiền gốc là 112.500.000đ (*Một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó, số tiền gốc của giấy vay tiền ngày 23/10/2020 là 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*); số tiền gốc của giấy vay tiền ngày 21/01/2021 là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Khoản tiền phải thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Riêu Thị X chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Riêu Thị X phải chịu 5.625.000đ (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Thu H không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001802, ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.D.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2022 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Riêu Thị X, đơn ghi ngày 12/6/2022 có nội dung: Kháng cáo không đồng ý toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST, ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang. Tuyên xử tôi phải trả cho bà Nguyễn Thu H số tiền 112.000.000đ tiền gốc là không hợp lý, hợp tình, chưa xem xét toàn bộ chứng cứ và lời khai. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bị đơn Riêu Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không chứng minh được giấy vay tiền viết ngày 21/01/2021 số tiền vay 100.000.000đ là viết lại nội dung của giấy vay tiền ngày 23/10/2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho người đại diện và có nội dung trình bày: Nhất trí với nội dung bản án sơ thẩm, không kháng cáo và không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ trong hạn luật định, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Riêu Thị X nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Riêu Thị X về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện S.D. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang.

Người kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Riêu Thị X trong thời hạn luật định, nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, nên kháng cáo của bị đơn được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn:

Bà Riêu Thị X kháng cáo với nội dung: Bà X chỉ vay tiền của bà Nguyễn Thu H 01 lần vào ngày 23/10/2020, khi vay bà có viết giấy vay tiền với nội dung: *“Hôm nay ngày 23/10/2020 tôi có vay của chị H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn) trong thời gian 2 tháng. Nếu trong 2 tháng tôi không trả cho chị H thì tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật”* trong giấy vay tiền không thỏa thuận gì về lãi suất, tuy nhiên bà H có thỏa thuận bằng miệng với bà lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Sau khi vay tiền bà đã trả cho bà H tiền lãi hàng tháng, trả từ tháng 10/2020 đến hết tháng 9/2021, tổng số tiền lãi đã trả đến hết tháng 9/2021 là 87.500.000đ (bà chuyển từ tài khoản của bà số 109871517792 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương (Viettinbank) chuyển vào tài khoản của bà H, số tài khoản 34110000928718 mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển (BIDV). Ngoài ra, còn một số lần khác bà có trả cho bà H tiền lãi hàng tháng bằng tiền mặt nhưng không viết giấy tờ gì. Từ tháng 10/2021 đến nay, bà H đã yêu cầu bà trả lãi và gốc nhiều lần nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn

nên chưa thanh toán gì cho bà H. Bà xác định số tiền gốc 100.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 23/10/2020 bà chưa trả cho bà H, bà chỉ trả tiền lãi.

Đối với giấy vay tiền đề ngày 21/01/2021 có nội dung: *“có vay của chị Nguyễn Thị Hoàn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn). Trong thời gian chị H cần tiền thì báo trước một tháng tôi sẽ hoàn trả số tiền trên. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”*. Bà xác định bà là người viết giấy vay tiền và ký tên vào phần người vay: X - *Riêu Thị X*. Là do bà H bảo rằng do tờ giấy vay tiền ngày 23/10/2020 hết hạn phải viết lại giấy khác, do bà sơ suất và tin tưởng bà H nên bà có viết giấy vay tiền đề ngày 21/01/2021 để thay thế giấy vay tiền ngày 23/10/2020 và không thu lại giấy vay tiền ngày 23/10/2020 nên bà H dùng hai giấy vay này khởi kiện bà thì bà không nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy rằng tại đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thu H khởi kiện đối với bà Riêu Thị X số tiền 112.500.000đ. Tại giai đoạn sơ thẩm bà X thừa nhận có tự tay viết giấy vay ngày 23/10/2020 và giấy vay viết ngày 21/01/2021, nên việc xác định tại thời điểm bà X có vay bà H khoản tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) do vay nợ là nội dung không cần chứng minh vì đã có sự thống nhất giữa hai bên đương sự.

Về nội dung bà X khai đã trả tiền lãi cho bà H theo bảng sao kê của Ngân hàng: Tại phiên tòa bà X thừa nhận Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 và giấy vay viết ngày 21/01/2021 là do bà viết, bà đã thực hiện việc trả lãi cho bà H từ tháng 10 năm 2020 đến hết tháng 9 năm 2021 số tiền lãi đã trả đến hết tháng 9/2021 là 87.500.000đ bằng hình thức trả qua tài khoản ngân hàng. Ngoài ra, còn một số lần khác bà có trả cho bà H tiền lãi hàng tháng bằng tiền mặt nhưng không viết giấy tờ gì. Từ tháng 10/2021 đến nay, bà H đã yêu cầu bà trả lãi và gốc nhiều lần nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà chưa thanh toán cho bà H. Bà xác định số tiền gốc 100.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 23/10/2020 bà chưa trả cho bà H, bà chỉ trả tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy vay tiền ngày 23/10/2020 là vay nợ có xác định thời hạn, lời khai của cả hai bên đương sự cũng xác định là vay có thời hạn; mặt khác, bà X khai đã trả lãi hàng tháng theo giấy vay tiền ngày 23/10/2020, nhưng giấy vay không thể hiện nội dung là phải trả lãi và các lần bà X trả cho bà H qua tài khoản Ngân hàng hoặc trực tiếp cũng không thể hiện nội dung là trả tiền lãi của khoản vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo giấy vay nào.

Từ những căn cứ trên thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Riêu Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thu H tổng số tiền gốc là 112.500.000đ (Một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, số tiền gốc của giấy vay tiền ngày 23/10/2020 là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm đồng); số tiền gốc của giấy vay tiền ngày 21/01/2021 là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với chứng cứ là giấy vay tiền, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm bà X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho việc bà chỉ vay bà H một lần 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 23/10/2020 và không vay tiền của bà H theo giấy vay tiền ngày 21/01/2021 số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà X.

Từ các nội dung trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Riêu Thị X, cần giữ nguyên nội dung quyết định của bản án sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Riêu Thị X không được chấp nhận nên bà X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Riêu Thị X. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu H. Buộc bà Riêu Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thu H tổng số tiền gốc là 112.500.000đ (*Một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó, số tiền gốc của giấy vay tiền ngày 23/10/2020 là 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*); số tiền gốc của giấy vay tiền ngày 21/01/2021 là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Khoản tiền phải thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Riêu Thị X chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Riêu Thị X phải chịu 5.625.000đ (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Thu H không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001802, ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.D.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Riêu Thị X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp tại biên lai số 0002164 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/9/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND H. S.D;
- Chi cục THA.DS H. S.D;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Thanh Sơn